

Hạ Long, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCX TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
 - Mã chứng khoán : RIC
 - Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
 - Người thực hiện CBTT : ông Đỗ Trí Vỹ
Chức vụ : Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2020 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC



4/08/

08/

08/

08/

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01
năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ bằng Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời lập báo cáo tài chính chuyển đổi từ báo cáo tài chính giữa niên độ bằng Đô la Mỹ nói trên theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Số: 0196 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ. Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này đã được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ trong đó mô tả về diễn biến của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo soát xét

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính giữa niên độ cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chúng tôi đã phát hành báo cáo soát xét đề ngày 12 tháng 8 năm 2020 về báo cáo tài chính giữa niên độ đó với kết luận chấp nhận toàn phần.



Trần Xuân Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.296.986.080	81.563.486.490
I. Tiền	110	4	41.076.985.050	35.478.264.010
1. Tiền	111		41.076.985.050	35.478.264.010
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.311.620.370	28.367.016.580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.180.824.450	15.581.039.320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.435.505.380	12.491.486.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.695.290.540	294.490.730
III. Hàng tồn kho	140	9	7.537.465.160	16.914.879.190
1. Hàng tồn kho	141		7.537.465.160	16.914.879.190
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		370.915.500	803.326.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		370.915.500	803.326.710
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		905.547.855.730	919.117.539.310
I. Tài sản cố định	220		784.208.061.210	809.723.997.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	779.971.928.880	802.759.313.280
- Nguyên giá	222		1.253.408.611.740	1.253.408.611.740
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.436.682.860)	(450.649.298.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.236.132.330	6.964.683.810
- Nguyên giá	228		103.601.228.710	103.553.183.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.365.096.380)	(96.588.499.210)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		94.277.614.760	92.665.530.490
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	94.277.614.760	92.665.530.490
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.692.588.210	9.692.588.210
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.692.588.210	9.692.588.210
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.369.591.550	7.035.423.520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.904.064.740	2.809.875.570
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	13.465.526.810	4.225.547.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		979.844.841.810	1.000.681.025.800

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

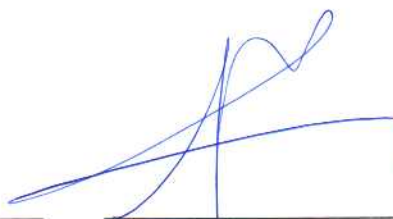
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		152.905.604.860	120.182.699.930
I. Nợ ngắn hạn	310		126.432.337.230	93.709.432.300
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.404.026.480	7.246.764.470
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		869.490.640	678.971.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.122.288.360	4.763.225.210
4. Phải trả người lao động	314		4.668.220.000	10.792.601.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.501.271.820	293.265.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	35.133.624.580	7.022.759.240
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	68.733.415.350	62.911.844.580
II. Nợ dài hạn	330		26.473.267.630	26.473.267.630
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	26.473.267.630	26.473.267.630
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		826.939.236.950	880.498.325.870
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	826.939.236.950	880.498.325.870
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		313.264.917.985	312.534.882.805
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(282.582.519.644)	(228.293.395.544)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(228.293.395.544)	(155.497.498.934)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(54.289.124.100)	(72.795.896.610)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		979.844.841.810	1.000.681.025.800



Mai Thị Dung
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2020



Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

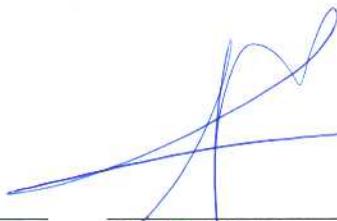
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	49.469.078.975	78.634.539.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		49.469.078.975	78.634.539.183
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	76.618.349.450	121.092.291.348
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(27.149.270.475)	(42.457.752.165)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.672.521.575	3.269.904.693
7. Chi phí tài chính	22	25	4.194.129.125	4.165.450.275
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.170.808.000	3.306.272.973
8. Chi phí bán hàng	25	26	6.513.719.475	10.495.326.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	17.617.005.500	21.995.652.309
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(53.801.603.000)	(75.844.276.152)
11. Thu nhập khác	31		89.155.550	369.674.241
12. Chi phí khác	32		576.676.650	2.695.518.999
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(487.521.100)	(2.325.844.758)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(54.289.124.100)	(78.170.120.910)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	41.963.400
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(54.289.124.100)	(78.212.084.310)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(771)	(1.111)



Mai Thị Dung
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2020



Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(54.289.124.100)	(78.170.120.910)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.912.407.050	29.934.195.069
Các khoản dự phòng	03	-	(209.817.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	945.901.500	430.591.110
Chi phí lãi vay	06	3.170.808.000	3.306.272.973
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(24.260.007.550)	(44.708.878.758)
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.102.969.200	37.594.054.227
Thay đổi hàng tồn kho	10	139.308.475	1.237.850.361
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(6.420.230.300)	(44.812.388.478)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(670.798.300)	1.153.060.980
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.606.593.450)	(3.355.906.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.715.351.925)	(52.892.208.018)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.296.878.275)	(10.157.683.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.296.878.275)	(10.157.683.917)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.562.628.250	140.458.983.273
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.507.567.925)	(151.411.593.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.055.060.325	(10.952.610.591)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	6.042.830.125	(74.002.502.526)
Tiền đầu kỳ	60	35.478.264.010	116.729.083.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(367.795.925)	(264.392.733)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(76.313.160)	647.546.739
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70	41.076.985.050	43.109.735.100



Mai Thị Dung
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2020



Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 1.059 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.308 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới ("Covid-19") gây ra đã có tác động không nhỏ đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2020, Công ty tiếp tục chịu lỗ từ hoạt động kinh doanh và có dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2020, Công ty tiếp tục có lỗ lũy kế và tổng nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính từ các tổ chức tài chính, khả năng thu hồi các khoản phải thu và gia hạn các khoản phải trả của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động và phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động trong giai đoạn ảnh hưởng của Covid-19;
- Công ty đã làm việc với các ngân hàng về việc gia hạn các khoản phải trả trong năm 2020 và ký kết hợp đồng tín dụng mới số 76/2020/HĐHM/PVBQN-HOANGGIA ngày 30 tháng 7 năm 2020 có kỳ hạn 12 tháng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 trong đó có Công ty, vượt qua giai đoạn khó khăn này;

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Chính phủ cũng đang xem xét các chính sách về hoãn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm xã hội nhằm giảm một phần sức ép về dòng tiền cho các doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam theo Thông tư 200 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
 Hàng giải khát
 Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
 Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
 Bình quân gia quyền
 Giá đích danh
 Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	31.750.990.770	29.571.301.790
Tiền gửi ngân hàng	9.325.994.280	5.906.962.220
	41.076.985.050	35.478.264.010

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND		<u>Số đầu kỳ</u> VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.692.588.210	-	9.692.588.210	-
	9.692.588.210	-	9.692.588.210	-

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Khách đoàn Long Bay	7.094.538.900	7.203.641.210
Đại lý Hằng Thăng	736.723.690	3.057.776.540
Đại lý Long Bay	-	3.065.587.720
Các khoản phải thu khách hàng khác	349.561.860	2.254.033.850
	8.180.824.450	15.581.039.320

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	1.932.134.660	1.932.134.660
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	1.661.008.140	1.661.008.140
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	1.240.683.460	1.388.656.790
Doanh nghiệp tư nhân Hà Việt	1.153.859.190	1.153.859.190
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	951.045.830	951.045.830
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	761.936.700	761.936.700
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	669.889.570	669.889.570
Khác	2.064.947.830	3.972.955.650
	10.435.505.380	12.491.486.530

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối kỳ	6.403.711.670	258.647.120
Tạm ứng nhân viên	156.778.240	-
Khác	134.800.630	35.843.610
	6.695.290.540	294.490.730

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.641.535.140	-	12.900.880.180	-
Hàng hóa	3.895.930.020	-	4.013.999.010	-
	7.537.465.160	-	16.914.879.190	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	894.434.649.600	277.596.927.130	27.396.951.220	19.537.841.080	34.442.242.710	1.253.408.611.740
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	894.434.649.600	277.596.927.130	27.396.951.220	19.537.841.080	34.442.242.710	1.253.408.611.740
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	183.031.870.190	196.645.601.430	18.837.168.990	18.140.541.150	33.994.116.700	450.649.298.460
Khấu hao trong kỳ	10.632.185.850	10.339.420.200	1.494.749.250	490.402.375	141.229.325	23.097.987.000
Chênh lệch tỷ giá	(142.972.830)	(139.035.960)	(20.100.150)	(6.594.525)	(1.899.135)	(310.602.600)
Số dư cuối kỳ	193.521.083.210	206.845.985.670	20.311.818.090	18.624.349.000	34.133.446.890	473.436.682.860
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	711.402.779.410	80.951.325.700	8.559.782.230	1.397.299.930	448.126.010	802.759.313.280
Số dư cuối kỳ	700.913.566.390	70.750.941.460	7.085.133.130	913.492.080	308.795.820	779.971.928.880

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thể chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 711.201.144.660 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 730.726.876.100 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 3.181.299.490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.267.661.560 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 141.783.362.720 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 137.600.406.500 VND).



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	101.551.533.480	2.001.649.540	103.553.183.020
Tăng trong kỳ	-	48.045.690	48.045.690
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-
Số dư cuối kỳ	101.551.533.480	2.049.695.230	103.601.228.710
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	94.681.831.770	1.906.667.440	96.588.499.210
Khấu hao trong kỳ	2.785.326.200	29.117.275	2.814.443.475
Chênh lệch tỷ giá	(37.454.760)	(391.545)	(37.846.305)
Số dư cuối kỳ	97.429.703.210	1.935.393.170	99.365.096.380
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	6.869.701.710	94.982.100	6.964.683.810
Số dư cuối kỳ	4.121.830.270	114.302.060	4.236.132.330

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.738.773.290 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.738.773.290 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	92.665.530.490	89.438.605.605
Tăng trong kỳ	1.634.057.725	5.292.890.268
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(5.904.273.693)
Giảm khác	-	(433.481.922)
Chênh lệch tỷ giá	(21.973.455)	369.164.422
Số cuối kỳ	94.277.614.760	88.762.904.680

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	31.295.238.460	30.032.045.860
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	5.207.514.960	5.207.514.960
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	20.037.201.960	18.774.009.360
+ <i>Các dự án mới</i>	6.050.521.540	6.050.521.540
- Nhà đa năng (*)	62.982.376.300	62.633.484.630
	94.277.614.760	92.665.530.490

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA **MẪU SỐ B 09a-DN**
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 29), việc thi công xây dựng đang dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	1.919.493.490	424.623.140	1.837.915.190	424.623.140
Vật tư xây dựng	13.253.608.110	1.282.951.650	4.095.207.550	1.282.951.650
	15.173.101.600	1.707.574.790	5.933.122.740	1.707.574.790

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dự Thành	336.851.360	336.851.360	127.382.320	127.382.320
Doanh nghiệp tư nhân Hà Việt	254.556.650	254.556.650	254.556.650	254.556.650
Doanh nghiệp Tư nhân Khả Thủy	225.114.510	225.114.510	411.681.540	411.681.540
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đỉnh Nga	215.986.060	215.986.060	372.001.670	372.001.670
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	184.094.260	184.094.260	184.094.260	184.094.260
Phải trả cho các đối tượng khác	3.187.423.640	3.187.423.640	5.897.048.030	5.897.048.030
Cộng	4.404.026.480	4.404.026.480	7.246.764.470	7.246.764.470

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.655.600.400	5.817.130.250	3.874.401.300	(26.101.100)	3.572.228.250
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.869.869.130	12.285.030.425	7.931.072.525	(58.548.420)	7.165.278.610
Thuế thu nhập cá nhân	237.755.680	926.529.025	816.384.675	(1.481.130)	346.418.900
Thuế khác	-	57.625.500	18.716.575	(546.325)	38.362.600
Cộng	4.763.225.210	19.086.315.200	12.640.575.075	(86.676.975)	11.122.288.360

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.202.991.050	1.438.458.840
+ Đại lý Thư Lượng	474.494.520	621.196.800
+ Đại lý Hằng Thăng	468.000.610	468.000.610
+ Khác	260.495.920	349.261.430
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.930.633.530	5.584.300.400
+ Đại lý Long Bay (*)	25.369.718.910	788.882.960
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.793.668.270	-
+ Bảo hành xây dựng	2.404.248.850	2.215.170.687
+ Chip trôi nổi	592.887.050	791.933.480
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	150.076.340	150.070.563
+ Khác	1.620.034.110	1.638.242.710
Cộng	<u>35.133.624.580</u>	<u>7.022.759.240</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.473.267.630	26.473.267.630
+ Đại lý Long Bay	26.473.267.630	26.473.267.630
Cộng	<u>26.473.267.630</u>	<u>26.473.267.630</u>

(*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 19.014.376.470 VND tiền chip ký gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	53.316.965.450	53.316.965.450	38.518.969.025	32.546.695.000	(80.310.195)	59.208.929.280
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	9.594.879.130	9.594.879.130	12.436.215.375	12.507.567.925	959.490	9.524.486.070
	62.911.844.580	62.911.844.580	50.955.184.400	45.054.262.925	(79.350.705)	68.733.415.350

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25 tháng 6 năm 2019 và phụ lục hợp đồng ký ngày 07 tháng 4 năm 2020 với hạn mức tín dụng 72,2 tỷ VND tương đương 3,12 triệu USD (tỷ giá 23.110 VND/USD). Thời hạn cấp tín dụng tối đa 9 tháng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 07 tháng 11 năm 2019 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 433 ngàn USD (tỷ giá 23.110 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 07 tháng 11 năm 2020. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Cầu Lạc bộ và khách sạn 5 sao.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(155.497.498.934)	314.224.155.700	954.983.495.375
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(78.212.084.310)	-	(78.212.084.310)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	4.094.209.235	4.094.209.235
Số dư cuối kỳ trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(233.709.583.244)	318.318.364.935	880.865.620.300
Số dư đầu kỳ này	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(54.289.124.100)	-	(54.289.124.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	730.035.180	730.035.180
Số dư cuối kỳ này	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(282.582.519.644)	313.264.917.985	826.939.236.950

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2019: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52,49
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100	42.309.870	703.687.540	100

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	4.102.731.378	6.261.297.901
JMP	65.682	102.583
JYP	-	70.000
AUD	-	11.600
EUR	-	900
HKD	-	100

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh và gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Kỳ này

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	21.807.691.150	27.661.387.825	-	49.469.078.975
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	8.374.671.750	20.123.105.700	-	28.497.777.450
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(42.186.551.000)	(11.615.052.000)	-	(53.801.603.000)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	1.381.700.200	1.560.573.500	-	2.942.273.700
5. Tài sản bộ phận	192.314.348.340	728.389.923.570	(374.222.586.758)	546.481.685.152
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	433.363.156.658
Tổng tài sản	192.314.348.340	728.389.923.570	(374.222.586.758)	979.844.841.810
7. Nợ phải trả bộ phận	451.402.106.710	12.975.571.700	(374.222.586.758)	90.155.091.652
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	62.750.513.208
Tổng Nợ phải trả	451.402.106.710	12.975.571.700	(374.222.586.758)	152.905.604.860

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA **MẪU SỐ B 09a-DN**
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ trước

	Câu lạc bộ VND	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	19.528.367.580	59.106.171.603	-	78.634.539.183
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	10.213.681.743	20.858.840.490	-	31.072.522.233
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(76.677.949.032)	833.672.880	-	(75.844.276.152)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	8.984.363.940	270.733.869	-	9.255.097.809
5. Tài sản bộ phận	210.303.266.380	725.447.533.800	(356.207.710.500)	579.543.089.680
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	446.013.291.200
Tổng tài sản	210.303.266.380	725.447.533.800	(356.207.710.500)	1.025.556.380.880
7. Nợ phải trả bộ phận	411.483.030.360	16.420.373.740	(356.207.710.500)	71.695.693.600
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	72.995.066.980
Tổng Nợ phải trả	411.483.030.360	16.420.373.740	(356.207.710.500)	144.690.760.580

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu phòng nghỉ	19.302.363.975	39.187.730.907
Doanh thu chip	19.064.131.725	8.574.288.270
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	7.165.051.600	17.156.992.533
Doanh thu xèng	2.743.582.850	10.954.079.310
Doanh thu dịch vụ khác	1.193.948.825	2.761.448.163
	49.469.078.975	78.634.539.183

22. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	3.338.179.625	7.314.150.681
Chi phí nhân công	38.887.983.050	67.475.352.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.836.543.650	28.676.365.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	9.555.643.125	17.626.423.101
	76.618.349.450	121.092.291.348

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	3.338.179.625	7.314.150.681
Chi phí nhân công	54.774.372.975	91.349.379.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.912.407.050	29.934.195.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	16.724.114.775	24.985.544.559
	100.749.074.425	153.583.269.753

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.787.575	123.652.152
Lãi chênh lệch tỷ giá	842.386.425	1.557.634.782
Doanh thu hoạt động tài chính khác	827.347.575	1.588.617.759
	<u>1.672.521.575</u>	<u>3.269.904.693</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	3.170.808.000	3.306.272.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.023.321.125	859.177.302
	<u>4.194.129.125</u>	<u>4.165.450.275</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	5.313.047.675	7.596.937.371
Chi phí dụng cụ sản xuất	182.738.425	209.234.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	549.620.775	603.247.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.165.000	73.669.080
Các chi phí bằng tiền khác	426.147.600	2.012.238.282
	<u>6.513.719.475</u>	<u>10.495.326.096</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	10.573.342.250	16.277.089.974
Chi phí dụng cụ sản xuất	223.310.525	214.363.035
Chi phí khấu hao TSCĐ	526.242.625	654.582.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.697.753.375	1.583.582.151
Các chi phí bằng tiền khác	2.596.356.725	3.475.851.735
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(209.817.000)
	<u>17.617.005.500</u>	<u>21.995.652.309</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
(Lỗ) kế toán trước thuế	(54.289.124.100)	(78.170.120.910)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(330.831.275)</i>	<i>(330.834.783)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>973.636.700</i>	<i>2.118.965.196</i>
<i>(Trừ)/Cộng: Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối kỳ và đầu kỳ</i>	<i>(135.865.000)</i>	<i>1.058.492.820</i>
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(53.782.183.675)	(75.323.497.677)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

28. (LỖ) CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(54.289.124.100)	(78.212.084.310)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(54.289.124.100)	(78.212.084.310)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(771)	(1.111)

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá trị đã đầu tư là 62.982.376.300 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 4.374.980.000 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 27.624.723.380 VND (31 tháng 12 năm 2019: 24.152.422.770 VND).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

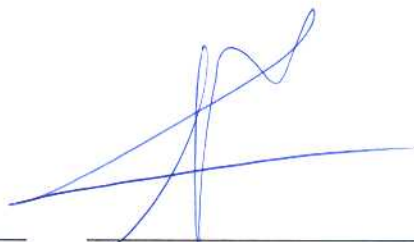
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	607.779.740	913.240.149

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 3.801.456.340 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2019: 6.831.648.080 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 10.063.619.260 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2019: 8.352.084.500 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.


Mai Thị Dung
Người lập biểu


Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số: 4.7.6.../CV/HG

"V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh
doanh 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu
năm 2019, giải trình lỗ lũy kế đến
30/6/2020"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hạ long, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch
kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2019, giải trình lỗ lũy kế
đến 30/6/2020, cụ thể như sau:**

I – Giải trình chênh lệch giữa KQKD 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2019:

So sánh các chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm
2019 như sau:

TT	Diễn giải	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49,469,078,975	78,634,539,183	(29,165,460,208)	(37)
II	Doanh thu hoạt động tài chính	1,672,521,575	3,269,904,693	(1,597,383,118)	(49)
III	Chi phí				
1	Chi phí hoạt động tài	4,194,129,125	4,165,450,275	28,678,850	1
2	Giá vốn hàng bán	76,618,349,450	121,092,291,348	(44,473,941,898)	(37)
3	Chi phí bán hàng	6,513,719,475	10,495,326,096	(3,981,606,621)	(38)
4	Chi phí quản lý	17,617,005,500	21,995,652,309	(4,378,646,809)	(20)
5	Thu nhập khác	89,155,550	369,674,241	(280,518,691)	(76)
6	Chi phí khác	576,676,650	2,695,518,999	(2,118,842,349)	(79)
	Cộng chi phí (1-4)	105,609,035,750	160,813,913,268	(55,204,877,518)	(34)
III	Lợi nhuận sau thuế	(54,289,124,100)	(78,212,084,310)	23,922,960,210	(31)

Giải trình chênh lệch :

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 bị sụt giảm nghiêm trọng chủ yếu là do kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 đã bùng phát từ quý 4 năm 2019 và cho đến hết 30 tháng 6 năm 2020 chưa có dấu hiệu lắng xuống. Ước tính không chỉ ảnh hưởng nặng nề đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 mà cả những tháng tiếp sau đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm là do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ giảm.
- Chi phí hoạt động tài chính tăng là do lỗ do đánh giá CLTG cuối kỳ tăng.
- Giá vốn hàng bán giảm chủ yếu là do 6 tháng đầu năm 2020 lương CBNV giảm vì đại dịch Covid – 19 diễn biến nghiêm trọng ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản

xuất kinh doanh của công ty nên Công ty phải bố trí nhân viên nghỉ giãn công , mặt khác doanh thu mặt hàng ăn, uống 6 tháng đầu năm 2020 cũng giảm mạnh so với 6 tháng đầu năm 2019 nên giá vốn giảm.

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng giảm sâu là do đại dịch nên Công ty phải bố trí nhân viên toàn công ty nghỉ giãn công.
6. Thu nhập khác giảm là do 6 tháng đầu năm 2020 thu tiền tip cho nhân viên giảm, doanh thu đền bù bát đĩa đồ dùng của khách hàng cũng giảm.
7. Chi phí khác giảm là do các khoản quyên góp ủng hộ giảm.
8. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty giảm hơn so với 6 tháng đầu năm 2019 là do tuy doanh thu giảm nhưng tỷ lệ giảm của chi phí giảm nhiều hơn so với tỷ lệ giảm của doanh thu.

II – Giải trình nguyên nhân lỗ 6 tháng đầu năm 2020 và lỗ lũy kế đến 30/6/2020

1. Do 6 tháng đầu năm 2020 đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Hoàng Gia nên doanh thu bị sụt giảm nghiêm trọng dẫn đến 6 tháng đầu năm 2020 kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ .
2. Do 6 tháng đầu năm 2020 Công ty bị lỗ nên công ty vẫn có lỗ lũy kế đến 30/6/2020.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia; Kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ

